**Bữa Rượu Máu**

Phía tây thành B. trên một nền đất rộng đổ sát vào chân thành cho lầu gạch ngoài thành được thêm vững chãi, lũ cây chuối mật thahồ mặc sức mà mọc. Nó um tùm, tàu lá rộng và không bị gió đánh rách, che kín cả bóng mặt trời. Trên áng cỏ bốn mùa ẩm ướt, loài nấm dạisinh nở hết sức bừa bộn.PKhoảng đất ấy ở phía sau kho lúa xây trong thành quanh năm không có vết chân người.Mỗi buổi chiều mặt trời lặn, mấy con chim không tổ mỏi cánh định tìm vào vườn chuối âm u này để ngủ. Nhưng thân chuối cao vútvà tàu lá chuối trống trải không đủ là nơi làm tổ, loài chim kêu mấy tiếng thưa thớt rồi lại bay qua ngọn thành. Vào tiết mưa dầm, nhữngtrận mưa Ngân đổ lên vườn chuối một khúc nhạc suông nghe buồn thỉu buồn thiu.Vườn chuối phía tây thành sớm nay quang đãng khác mọi ngày. Trên mặt cỏ ngổn ngang nhựa thẫm màu. Nhựa ấy bị không khí làmse lại, kết nên thành những khối keo quyện chặt lấy bùi cỏ gà.Cùng một buổi chiều ấy, mấy người vợ lính cơ đứng trong luống bãi dâu trồng ở dưới chân thành, sát ngay với bờ hào được nghetiếng người hát trên ngọn thành, ở trên đầu họ, đúng ngay chỗ vườn chuối im lìm của mọi ngày.Tiếng người trên mặt ngọn thành cũ hát rằng:” Trời nổi cơn lốc ” Cảnh càng u sầu ” Tiếng loa vừa dậy ” Hồi chiêng mớm mau ” Ta hoa thanh quất ” Cỏ xanh đổi màu ” Sốngkhông thù nhau ” Chết không oán nhau ” Thừa chịu lệnh cả ” Dám nghĩ thế nào ” Người ngồi cho vững ” Cho ngọt nhát dao ” Hỡi hồn!” Hỡi quỷ không đầu! “Người ở trên mặt thành hát đến đâu thì tiếng những thân cây chuối đổ xuống mặt đấy tường thành lại kêu roạt roạt đến đấy. Bọn

người đàn bà hái dâu ngừng tay bứt lá, nghiêng đầu lắng nghe kỹ. Cái bài hát năm mươi tư chữ nghe như bài sai của thầy phù thủy, đã hátđi hát lại đến mấy lần. Cứ xong mỗi câu thì lại có một tiếng roạt. Chỉ có cây chuối bị chặt mạnh mình lìa hẳn gốc, đổ vật xuống mặt đất thìmới kêu roạt roạt như vậy thôi. Nhưng mà ai chặt chuối? Không phải hẳn là cấm địa, nhưng góc thành sau kho lúa kia cũng là một miếngđất cấm, ai dám vượt phép quan vào đấy mà hát, mà phá vườn. Có chăng là làm loạn.Những người vợ lính cơ, quen sống trong không khí loạn lìa, chiều nay và đêm nay bàn tán mãi về cái tiếng hát trên vườn chuối mặttường thành. Chồng họ cũng lấy làm lạ và tự nhủ ngày mai vào trại sẽ hỏi chuyện cho rõ. Buổi sáng hôm sau, bọn vợ lính cơ, thêm được ít người tò mò nữa kéo đến vườn dâu ngoài thành, vẫn nghe rõ người ta chặt chuốitrên mặt thành, với những câu hát rõ mồn một:” Ta hoa thanh quất ” Cỏ xanh đổi màu ” Sống không thù nhau ” Chết không oán nhau...Khi nghỉ ngơi, lúc họ mang chuyện đó về nhà thì những người lính cơ đều ra vẻ cảm động sợ hãi và cắt nghĩa:– Ông Bát Lê sắp làm việc đấy.–???– Ông lớn sắp đem mười mấy người ra chém. Và tiếng người hát trên mặt thành là tiếng ông Bát Lê đang tập múa thanh quất ở vườnchuối đấy.– Múa thanh quất? Ở vườn chuối? Sao lại hát những câu ghê thế? Và ông Bát Lê vốn chém người đã nổi tiếng, còn phải tập với tànhgì nữa?– U mày không hiểu. Lâu nay ông Bát không phải khai đao vì Ông Lớn thấy già yếu muốn cho nghỉ tay. Mỗi lần có án trảm, ông Bátchỉ phải ra pháp trường cho có mặt thôi. Còn công việc thì đã có người khác đỡ tay. Nhưng vẫn cứ được tiền thưởng. Ðã đến gần một nămnay ông Bát không cầu đến thanh quất. Không hiểu tại sao, lần này Ông Lớn lại cho gọi ông Bát ra cho kỳ được và xem chừng như ngàisăn sóc đến cái vụ xử trảm này nhiều lắm.Lui vào tư thất, quan Tổng đốc sung chức Ðổng lý Quân vụ, nhác thấy lão Lê đang co tay úp lên mang tai nhìn vào đám vàng sonlộng lẫy nhà riêng mình, ngài liền quở:

-Ê! bữa nay, chú đi đâu? Ta cho thằng Cửu nó sang gọi mấy lần đều thấy đóng cửa.– Bẩm lạy Ông lớn, ít lâu nay con về nhà quê. Giá như ngày trước, có khi nào con dám đi xa, sớm tối lúc nào cũng phải ở trong nộithành, phòng những lúc Ông Lớn bất thần gọi đến. Nhưng từ hồi gần đây. Ông Lớn thương phận già nua cho con được nghỉ tay đao, concó mạn phép về thăm nhà. Ðược tin Ông Lớn cho đòi, con vội vã vào hầu, xin Ông Lớn tha tội. Con chờ lệnh Ông Lớn truyền xuống.– Thôi, cho đứng dậy.Quan Đổng lý Quân vụ ngả mình trên ghế bành vàng và son, hất hàm hỏi tên bát phẩm đầy tớ già đang co ro người bên chiếc cột:– Liệu bây giờ chém còn mát tay nữa không?– Dạ.– Dạ sao? Chú có biết ta sắp cho xuống cái lệnh chi không?– Dạ.– Có mười hai tên tử tù sắp phải hành hình. Quan Công sứ muốn được thị kiến lúc bọn hắm chịu án trảm. Ngươi chém thế nào chogọn thì chém, hễ chém một đầu đến hai nhát thì không những ta truất tiền thưởng mà người còn bị quở nữa. Chém cho thực ngọt.– Dạ.– Tiền thưởng này chính của Quan Công sứ cho. Ta muốn giữ phần cho người nên ta cho gọi vào mà lĩnh lấy việc này, gọi là kiếmmột chút bổng để dưỡng tuổi già. Chú phải biết khi nhận lấy muời hai tên tử tù là chú phải làm việc cho đầy đủ. Chớ để phiền đến ta. Tađã trót khoe khoang cái tài chém “treo ngành” của chú với quan Công sứ. Chú nghĩ thế nào?– Dạ, bẩm Ông Lớn đã thương đến phận tôi tớ chúng con xin hết sức tuân theo. Nhưng bây giờ con già yếu lắm, không biết có cònlàm được việc như hồi xưa nữa không. Vả chăng gần một năm nay không cầm đến mã tấu con e có điều hơi lạc mất đường đao.– Ta đã nghĩ đến chuyện đó rồi. Chú còn đủ thời giờ để tập lại lối chém treo ngành. Nếu cái nghề chém đặc biệt của chú không thểtruyền lại cho một ngườii nào được thì một lần cuối cùng này nữa, chú cũng nên cho một vị quan Tây ở đây thấy rõ cái cách chém củamột người đầy tớ hầu cận ta là như thế nào.

– Dạ, bẩm Ông lớn...– Chú đừng nhiều lời. Ðây này, ta cho chú mượn thanh quất của ta mà làm việc. Sẵn có vườn chuối ở sau kho lúa, cho phép chú lênđó mà tập. Có ai ngăn cản, cứ đưa cái tín bài này ra cho họ nom rõ.Quan Ðổng lý Quân vụ rút khỏi ống bút trên bàn một lá thẻ đỏ, viết mấy chữ thảo vào mặt thẻ sơn trắng, trao cho Bát Lê.Thế là từ hôm ấy Bát Lê lĩnh thanh quất của quan Tổng đốc leo lên tường thành, xông xáo trong vườn chuối, hết sức tự do, hết sứctàn nhẫn, chém ngang thân loài thực vật, trước khi chém vào cổ mười hai tên tù đang nằm đợi ngày cuối cùng.Vườn chuối trên mặt thành vốn mọc không có hàng lối nhất định. Ông Bát phẩm Lê phải chọn lựa mãi mới được mấy dẫy chuối mọctheo hàng lối thẳng thắn. Y soạc cẳng, lấy bước chân đo những quãng trống từ một gốc chuối này đến một gốc chuối khác. Tiến lên, lùixuống, đo ngang, đo dọc tự cho là tạm tạm được, y bèn nhẹ nhàng phát hết những tàu lá chuối rườm rà. Ðấy là cái khu dọn dẹp sẵn đểnhân lấy sự thí nghiệm sau hết của một thanh quất bị bỏ quên đã lâu ngày.Trước khi hoa thanh quất trong mấy hàng chuối được chọn lựa kỹ càng kia, Bát Lê đã múa đao chém lia lịa vào thân mọi cây chuốikhác, chém không tiếc tay, chém như một người hết sức tự vệ trong một cuộc huyết chiến để mở lấy một con đường máu lúc phá vòngvây. Một buổi sớm, y nhảy nhót trong vườn chuối, đưa lưỡi gươm qua bên phải lại múa lưỡi gươm qua bên trái, thanh gươm hai lưỡi gọngàng, nhanh nhẹn phạt qua thân mấy trăm cây tươi còn nặng trĩu lớp sương đêm. Mảnh khăn vuông vải trắng bịt tóc Bát Lê đã đẫm ướtvà nhựa chuối chát thấm vào đất, gặp ánh nắng sớm, đã xuống màu dần dần.Trên đống thân cây trơn ướt, Bát Lê vẫn làm việc, nhẩy nhót như một kẻ điên cuồng. Cứ mỗi một cây chuối gẫy gục xuống cỏ đánhroạt một cái thì Bát Lê lại cất tiếng hát:” Sống không thù nhau ” Chết không oán nhau Câu hát được những tiếng cây chuối đổ chấm câu cho và đã vẳng từ trên mặt thànhxuống mặt một bãi dâu ở chân thành...Tập như thế cho thuần tay hết một buổi sớm và một buổi chiều. Bát Lê sớm ngày hôm sau lại trở lại vười chuối đã rầu cả lá, đã khôcả vết thương. Y hồi hộp chống gươm xuống mặt đất ẩm ngổn ngang sự tàn phá, như một võ sinh sắp trổ tài ở võ trường với sự phân vân,lo ngại của phút biểu diễn. Rồi Bát Lê trịnh trọng tiến vào cái khu vườn chuối đã dọn từ hôm trước để nhận lấy lưỡi gươm thí nghiệm cuốicùng của một cuộc tập chém. Y đứng vào giữa hai dãy chuối, tay phải cầm ngang thanh quất.

Y lùi lại ba bước, lấy hơi thở cho đều, vừa hát to câu:” Tiếng loa vừa dậy “vừa tiến mạnh lên, thuận tay chém vào cây chuối đầu tiên dãy bên phải. Ðà gươm mạnh từ cao soải xuống theo một chiều chếch,tưởng gặp đến gỗ cứng cũng lướt qua. Thế mà thanh quất chỉ ngập vào chiều sâu thân cây độ chín phần mười. Lưỡi thanh quất bị ngừngở cái cữ ấy, rồi lại được lấy ra khỏi thân cây chảy mủ. Vừa giật lưỡi thanh quất khỏi thân cây đang từ từ gục xuống, vừa hát một câu nữa:” Hồi chiêng mớm mau “Bát Lę lại tiến thęm ba bước đến ngang tầm cây chuối hàng đầu dãy bên trái. Bái Lê thuận đà thanh quất, lại chém xuống đấy mộtnhát thứ hai. Một thân cây thứ hai gục xuống nữa như một thân hình người quỳ chịu tội. Thế rồi vừa hát, vừa chém bên trái, vừa chémbên phải. Bát Lê đã hát hết mười bốn câu, và đánh gục mười bốn cây chuối. Bát Lê quay mình lại, ngắm các công trình phá hoại của mình.Thì ở mười bốn cây chuối chịu tội kia, thân trên bị chém vẫy còn dính vào phần gốc bởi một lần bẹ giập nát.Bát Lê mỉm cười, gỡ cái khăn chùm trên đầu, lau lưỡi gươm vào đấy, vuông vải lại dẫm thêm chất nhựa xám.Thế là xong một cuộc tập chém lối treo ngành. Và Bát Lê cũng vui vẻ trong lòng đợi ngày nhật tù. Ði từ bề cao nền cỏ xuống chânthành, qua những bậc cấp thúc vào lòng đất. Bát Lê chốc chốc lại dừng bước lại và ưỡn mình về phía sau, ngắm cánh tay khẳng kheomình đang lăm lăm cầm lưỡi gươm.Nội cỏ trước dinh quan Đổng lý Quân vụ một buổi chiều thu quyết đã đổi màu. Mọi khi, ở đấy chỉ có bê, bò được thả lỏng cúi cổngốn áng cỏ tươi bên cạnh một tốp lính hiền lành, tay cầm lưỡi liềm cắt cỏ về cho ngựa quan ăn. Bây giờ ở đấy, người dựng lên một cáinhà rạp cỏ tàn, cỏ quạt, cỏ cờ ngũ hành. Trước nhà rạp người ta chôn sẵn mười hai cái cọc tre bị vồ gỗ đập mạnh xuống toét cả đầu. Vàđánh đai lấy khu nhà rạp rộng độ một mẫu, mấy trăm lính mặc áo có dấu, có nẹp đã tề chỉnh tuốt gươm trần để thị uy.Trời chiều có một vẻ dữ dội. Mặt đấy thì sáng hơn là nền trời. Nền trời vẩn những đám mây tím đỏ vẽ đủ mọi hình quái lạ. Những bứctranh mây chó màu thẫm hạ thấp thêm và đè nặng xuống pháp trường oi bức và sáng gắt.Mọi người chờ đợi một cái gì.Từ phía nhà ngục, mười hai con người chậm chạp tiến tới giữa hai tốp lính áp giải. Bãi cỏ im lìm đến nỗi tiếng gông lũ tù giây va vàonhau theo một nhịp bước rụt dè nghe cứ rõ mồn một như tiếng sênh người chấp hiệu định liệu bước đi cho cỗ đòn đám.

Không biết từ đâu ra, ông Bát Lê đứng sẵn chỗ cọc tre và trong một lát đã buộc xong bọn người đợi chết vào cọc. Lũ tử tù bị tróigiật cánh khuỷu, quỳ gối trên mặt đất, khom khom lưng, xếp theo hai hàng chênh chếch nhau, chầu mặt vào rạp. Những người giữ phầnviệc ở bãi đoạn đầu đang bóp hông, nắn xương cổ và tuốt cho mềm sống lưng lũ tử tù. Họ cần om thế nào cho tội nhân lúc quỳ phải đểđược gót chân ngửa đúng vào cái mẩu xương cụt nơi hậu môn. Như thế, tử tù sẽ phải rướn mình lên mà nhận lấy lưỡi đao thả mạng xuốngcái cổ căng thẳng. Họ lạnh người dần dần. Sinh khí chừng như đã thoát hết khỏi người họ. Trông xa, họ có cái cứng thản nhiên củanhững tượng đá tạc hình người Chiêm thành quỳ trước sân đền thờ vua Lý.Tiếng nhạc bát âm thổi bài Lưu thủy trường gần mãi lại. Rồi trong một giây phút mọi người lắng rő tiếng sênh tiền. Ai nấy nín thở.Trông ra cờ quạt kín cả nền trời và lính tráng kín cả mặt cỏ. Bụi cát bay mů như lúc có cuộc hŕnh quân. quan Công sứ mặc đồ binh phụctrắng có ngù kim tuyến đi ngang hàng cùng quan Tổng đốc. Hai quan đầu tỉnh – một người đi ghệt, một người đi ủng – đều gò bước đicho nó ăn nhập với cái long trọng của pháp trường. Những tên lính tỉnh gầy ốm che sát vào người hai Ông Lớn mọi thứ tàn vàng, tán lía,lọng xanh.Cái đầu chúng không dám phạm thượng cúi gầm xuống mặt đất, nhìn cánh cỏ may chọc thủng ống quần mình.Trong nhà rạp, các quan an vị. Ông thông ngôn người Nam kỳ đứng khoanh tay đằng sau quan Lưu trú Pháp. Quan Tổng đốc nóitrước:– Những người sắp bị hành hình kia là dư đảng giặc Bãi Sậy. Ty chức rất mong rằng đấy là những kẻ phiến loạn cuối cùng. Và nhờhồng phúc của Quan Lớn, cuộc trị an ở xứ này chóng định.Bát Lę cầm gươm tiến đến trước nhà rạp, vòng tay thu lưỡi gươm lại, vài một vái, cúi mặt đứng im. Quan Tổng đốc nhớm mình khỏimặt ghế bành:– Xin phép Quan Lớn cho ty chức được trình với Quan Lớn một tên đầy tớ trung thành. Hắn là đao phủ thủ tại pháp trường hômnay.– Có phải cái người mà Quan Lớn nói là có tŕi chém đầu người chỉ một nhát mà đầu vẫn dính vào cổ bằng lằn da cổ đó không?– Dạ. Mấy hôm nay hắn hạ thủ trong một hơi những mười hai cái đầu. Bây giờ để xin ra lệnh khai đao.Quan Công sứ gật. Viên giám trảm và Bát Lê đều lùi ra ngoài rất mau.

Một tiếng loa. Một tiếng trống. Ba tiếng chiêng. Rứt mỗi hồi chiêng mớm, thì một tấm linh hồn lại lìa khỏi một thể xác. Tùng! Bi li! Bili!Bát Lê bắt đầu hoa không thanh quất mấy vòng. Rồi y hát những câu tẩy oan với hồn con tội. Trong nhà rạp các quan chỉ nghe thấycái âm lơ lớ rờn rợn. Quan Công sứ chăm chú nhìn Bát Lê múa lượn giữa hai hàng tử tù và múa hát đến đâu thì những cái đầu tội nhân bịquỳ kia chẻ gục đến đấy. Những tia máu phun kêu phì phì, vọt cao lên nền trời chiều. Trên áng cỏ hoen ố, không một chếc thủ cấp nàorụng xuống.Bát Lê làm xong công việc, không nghỉ ngơi chạy tuốt vào đứng trước nhà rạp. Bấy giờ quan Công sứ mới nhìn kỹ. Y mặc áo dàitrắng, một dải giây lưng điều thắt chẽn ngang bụng. Thấy trên quần áo trắng của y không có một giọt máu phun tới, quan Công sứ gật gùhỏi quan Tổng đốc để nhớ lấy tên họ một người đao phủ có lối chém treo ngành rất ngọt. Ngài thưởng cho Bát Lê mấy cọc bạc đồng bàlão.Lúc quan Lưu trú gần cầm mũ cáo từ về tòa Sứ, quan Tổng lý quân vụ còn ân cần buộc ông thông ngôn Nam kỳ dịch cho đủ câunày:– Bẩm Quan Lớn, chém treo ngành như thế này là phải lựa vào những lúc việc quân quốc thanh thản, số tử tù ít ít thôi. Vào nhữnglúc nhộn nhạo quá, tử tù đông quá, thì ty chức đã có cách khác. Là chỗ đôi cây tre đực dài ra, cặp vào cổ tử tù xếp hàng và nối đuôi quỳhướng về một chiều. Ðại để nó cũng như là cái lối cặp gắp chả chim mà nướng ấy. Rồi Bát Lê sẽ cầm gươm mà róc ngang như người ta rócmắt mía.Lúc quan Công sứ ra về, khi lướt qua mười hai cái đầu lâu còn dính vào cổ người chết quỳ kia, giữa sân pháp trường sắp giải tán, nổilên một trận gió lốc xoáy rất mạnh. Thường những lúc xuất quân bất lợi, tưởng cơn gió lốc cuốn gẫy ngọn cờ súy, cũng chỉ mạnh đượcthế thôi. Trận gió soắn hút cát, bụi lên, xoay vòng quanh đám tử thi. Bấy giờ vào khoảng giữa giờ Thân.

**Những Chiếc Ấm Đất**

Bóng nắng gần tới đỉnh đầu. Sư cụ chùa Đồi Mai thủng thẳng trở về trai phòng. Nhà sư già gỡ chiếc nón tu lờ, sắp ngồi vào thụ traithì có tiếng con trẻ gọi ở ngoài cổng chùa. Một chú tiểu lễ phép bước lên tam cấp:B– Bạch cụ, có người con trai cụ Sáu xin vào.– Vậy chú vẫn đóng cửa chùa đó à? Chú ra mở mau không có người ta phải đứng nắng lâu. Cổng nhà chùa bao giờ cũng nên đểngỏ. Từ giờ chú nên nhớ: sáng sớm tụng kinh nhật tụng và thỉnh chuông xong là phải mở rộng cửa chùa và tối đến, lúc nào học xong kệthì mới đóng. Kẻo nữa khách thập phương họ kêu đấy.Tiểu ra được một lát thì một người con trai trạc mười bảy tuổi xúng xính trong chiếc áo dài thâm, chân xéo lấm, tay bưng cái khay tiếnvào tăng xá, vái sư cụ:– Bạch cụ, thầy con cho con mang xuống biếu cụ bình trà đầu xuân. Và xin phép cụ cho ra giếng chùa nhà gánh một gánh nước.Nhà sư già đã quen với những việc biếu và xin mượn này ở dưới cụ Sáu, khẽ cất tiếng cười. Trên khuôn mặt khô xác, nụ cười khôngcó gì là ấm áp thiết tha. Nó chỉ đủ là hiền lành thôi.– Thế cháu đựng nước bằng cái gì?– Dạ có người nhà quẩy nồi và gánh đi theo còn chờ ở ngoài.– Ai di đà phật? Nắng này mà đi từ làng trên xuống tận đây lấy nước, cụ Sáu nhà có công quá. Cháu ngồi nghỉ chân đã. Để già bảochú tiểu đưa tên bộc ra giếng. Cháu đi từ sớm, chắc bây giờ đã ngót dạ rồi; sẵn oản chuối vừa hạ xuống, già ép cháu thụ một ít lộc Phật.

– Bạch cụ, cháu ăn mặn ở nhà vẫn còn lửng dạ.Sư cụ chùa Đồi Mai không nài thêm và vẫn chỉ cười rất thuần hậu.– Cháu có biết cụ Sáu nhà đến xin nước ở chùa đây đã mấy năm nay rồi không? Gần mười năm. Uống trà tàu như thầy cháu thì cũngcó một. Cứ nước giếng chùa đây mới chịu pha trà. Lắm lúc già tự hỏi về cái tiền thân của thầy cháu xem là như thế nào. Nghĩ đến cái nhânduyên của thầy cháu với nhà chùa đây, thực cũng là bền và kỳ lắm cháu ạ.Thoáng thấy tên lão bộc đã quảy xong gánh nước đang ngơ ngác tìm mình và làm ướt cả khoảng giữa sân chùa lát toàn đá tảngxanh, người con cụ Sáu, với cái từ tốn của một thư sinh ngồi hầu chuyện bực phụ chấp đã xuất gia, liền vội vàng đứng dậy xin phép về.– Bạch cụ, cháu vội phải về, vì ở nhà hôm nay có khách uống trà. Có lẽ thầy cháu ở nhà đang chờ nước về.Nhà sư già cũng vội theo bọn xin nước ra tới thềm ngoài. Sư cụ rút trong tay áo vải rộng ra một chiếc quạt thước, xòe rộng hết cảnan quạt, nghiêng che đầu cho đỡ nắng và bảo chú tiểu:– Chú chạy mau ra vườn, bẻ mấy cành lá đào.Rồi cụ giữ con cụ Sáu lại:– ấy, ấy, thong thả một chút. Thả mấy cành đào có lá vào nồi nước, lúc gánh đi đường xa nó đỡ sóng ra ngoài và về đến nhà, nướcvẫn mát.Bọn xin nước vái chào nhà sư. Trên con đường đất cát khô, nồi nước tròng trành theo bước chân mau của người đầy tớ già đánh rỏxuống mặt đường những hình ngôi sao ướt và thẫm màu. Những hình sao ướt nối nhau trên một quãng đường dài ngoằn ngoèo như lối đicủa loài bò sát. Ví buổi trưa hè này là một đêm bóng trăng dãi, và ví cổng chùa Đồi Mai là một cửa non đào thì những giọt sao kia có đủcái thi vị một cuộc đánh dấu con đường về của khách tục trở lại trần.ánh nắng già dặn buổi trưa nung đốt mặt cánh đồng dưới chân đồi, làm rung rinh lớp không khí bốc từ mặt đất. Giống như vệt khóinhờ, nắng vờn qua những màu xanh bóng loáng của một dãy xóm làng cây cối im lìm. Đứng trong cổng chùa từ bề cao nhìn xuống cáithấp dưới chân mình, nhà sư già nheo nheo cặp mắt, nhìn cái nắng sáng lòa. Bọn người xin nước chỉ còn là mấy cái chấm đen, mỗi chuyểnđộng lại làm tung lại phía sau mình một chùm cát bụi mờ mờ. Gió nồm thổi mạnh, nhiều cơn, đã đem cả mảnh bụi trần kia vào lọt cổng ngôichùa cao ráo. Nhà sư nghĩ đến cụ Sáu, thở dài tỏ ý tiếc cho một kiếp chúng sinh còn vướng mãi vòng nghiệp chướng.

Cụ Sáu vốn đi lại với chùa đây kể ra đã lâu. Từ trước cái hồi nhà sư già tới trụ trì. Mấy pho tượng Phật Tam thế bằng gỗ mít đặt ở trênbệ và mấy pho Kinh in giấy đại thừa là của cụ Sáu cúng đấy. Cái chuông treo ở trên nhà phương trượng cũng là của ông cụ Sáu cúng vàohồi trùng tu lại chùa. Và mỗi lần nhà chùa lập phả khuyến thì ông cụ Sáu đứng đầu sổ. Chùa Đồi Mai ở xa làng mạc biệt lập trên một khuđồi nên cũng ít bị phiền nhiễu bởi đám tạp khách. Thỉnh thoảng trong bọn khách đến chơi, ông cụ Sáu được sư cụ biệt đãi nhất. Thángmột lần, nhà sư già lại giữ ông cụ Sáu lại ăn một bữa cơm chay và lần nào từ biệt, nhà sư cũng chân thành tặng khách một rò lan ChuMặc. Thường thường mỗi lần gặp gỡ, thể nào hai ông già cũng kéo nhau ra cái giếng nước mà chuyện vãn rất lâu. Nhà sư ít nhời, trầmtĩnh ngắm bóng cụ Sáu trong lòng đáy giếng sâu. Cái bóng nhà sư già ít khi được đậu hình cho lâu trên phiến gương nước giếng mátlạnh: chốc chốc một vài giọt nước ngọt lại rời mạch đá tổ ong, thánh thót rớt xuống, tiếng kêu bì bõm. Ông cụ Sáu tỳ tay vào thành giếngnhờn mịn rêu xanh, chỉ ngón tay xuống lòng giếng sâu thẳm gần hai con sào mà nói: “Chùa nhà ta có cái giếng này quý lắm. Nước rấtngọt. Có lẽ tôi nghiện trà tàu vì nước giếng chùa nhà đây. Tôi sở dĩ không nghĩ đến việc đi đâu xa được, cũng là vì không đem theo đượcnước giếng này đi để pha trà. Bạch sư cụ, sư cụ nhớ hộ tôi câu thề này: “Là giếng chùa nhà mà cạn thì tôi sẽ lập tức cho không người nàomuốn xin bộ đồ trà rất quý của tôi. Chỉ có nước giếng đây là pha trà không bao giờ lạc mất hương vị. Mà bạch cụ, chúng tôi không hiểutại sao ngọn đồi này cao mà thủy lại tụ. Địa thế chùa này, xem ra còn dụng võ được...”. Chừng như sợ cụ Sáu bàn rộng tới những chuyệnkhông nên trao đổi với kẻ tu hành đã lánh khỏi việc của đời sống rồi, sư cụ vội nói lảng sang chuyện mấy cây mít nhà chùa năm nay saiquả lắm. Rồi kéo cụ Sáu vào trai phòng dùng một tuần nước. Theo một ước lệ rất đáng yêu đặt ra từ ngày mới làm quen với nhau, đã mươinăm nay, bao giờ uống nước trà của nhà chùa, ông cụ Sáu cũng được cái vinh dự pha trà và chuyên trà thay nhà chùa.Dạo này, chắc ông cụ Sáu bận việc nhiều nên đã mấy tuần trăng rồi mà không thấy vãn cảnh chùa uống nước thăm hoa, để cho sưcụ cứ nhìn mấy chậu Mặc lan rò trổ hoa mà tặc lưỡi. Cùng bất đắc dĩ phải ngắt cắm vào lọ con vậy. Dạo này cụ Sáu chỉ cho người nhàxuống xin nước giếng thôi. Và trưa hôm nay lúc lặng ngắm hai thầy trò người con ông cụ Sáu đem nước ra khỏi chùa, lúc trở vào, nhà sưgià thở dài cùng sư bác chờ đấy: “Ông cụ Sáu này, nếu không đam mê cái phong vị trà tàu, đam mê đến nhiều khi lầm lỗi, nếu ông ta bỏđược thì cũng thành một ông sư tại gia. Danh và lợi, ông ta không màng. Phá gần hết cơ nghiệp ông cha để lại, ông ta thực đã coi cái phúquý nhỡn tiền không bằng một ấm trà tàu. Nhưng một ngày kia, nếu không có trà tàu mà uống nữa thì cái ông cụ Sáu này sẽ còn khổ đếnbực nào. Phật dạy rằng hễ muốn là khổ. Biết đâu trong bốn đại dương nước mắt chúng sinh của thế giới ba nghìn, sau đây lại chẳng cómột phần to nước mắt của một ông già năng lên chùa nhà xin nước ngọt về để uống trà tàu. Mô Phật!”.Ông cụ Sáu, hôm nay lấy làm thích cái người khách lạ đó lắm. Người khách lạ vừa kể cho chủ nhân nghe một câu chuyện cổ tích. Lêtrôn chén vào lợi chiếc đĩa cổ vài ba lần, người khách kể:“Ngày xưa, có một người ăn mày cổ quái. Làm cái nghề khất cái là phải cầm bằng rằng mình không dám coi ai là thường nữa; thế màhắn còn chọn lựa từng cửa rồi mới vào ăn xin. Hắn toàn vào xin những nhà đại gia thôi và cố làm thế nào cho giáp được mặt chủ nhân rồi

có xin gì thì hắn mới xin. Có một lần hắn gõ gậy vào đến lớp giữa một nhà phú hộ kia, giữa lúc chủ nhà cùng một vài quý khách đang ngồidùng bữa trà sớm. Mọi người thấy hắn mon men lên thềm, và ngồi thu hình ở chân cột một cách ngoan ngoãn, mọi người không nói gì cả,để xem tên ăn mày định giở trò gì. Hắn chả làm gì cả, chỉ nhìn mọi người đang khoan khoái uống trà. Hắn đánh hơi mũi, và cũng tỏ vẻkhoan khoái khi hít được nhiều hương trà nóng tản bay trong phòng. Thấy mặt mũi người ăn mày đã đứng tuổi không đến nỗi bẩn thỉuquá, chủ nhân bèn hỏi xem hắn muốn xin cơm thừa hay là canh cặn, hay là hơn nữa, hắn lại muốn đòi xôi gấc, như kiểu người trongphương ngôn. Hắn gãi tai, tiến gần lại, tủm tỉm và lễ phép xin chủ nhân cho hắn “uống trà tàu với!”. Mọi người tưởng hắn dở người.Nhưng tại sao không nỡ đuổi hắn ra và còn gọi hắn lại phía bàn cho hắn nhận lấy chén trà nóng. Hắn rụt rè xin lỗi và ngỏ ý muốn đượcuống nguyên một ấm trà mới kia. Hắn nói xong, giở cái bị ăn mày của hắn ra, cẩn thận lấy ra một cái ấm đất độc ẩm. Thấy cũng vui vui vàlạ lạ, mọi người lại đưa cho hắn mượn cả khay trà và phát than tàu cho hắn đủ quạt một ấm nước sôi, thử xem hắn định đùa định xược vớibọn họ đến lúc nào mới chịu thôi. Hắn xin phép đâu đấy rồi là ngồi bắt chân chữ ngũ, tráng ấm chén, chuyên trà từ chén tống sang chénquân, trông xinh đáo để. Lúc này không ai dám bảo hắn là ăn mày, mặc dầu quần áo hắn rách như tổ đỉa. Uống một chén thứ nhất xong,uống đến chén thứ nhì, bỗng hắn nheo nheo mắt lại, chép môi đứng dậy, chắp tay vào nhau và thưa với chủ nhà: “Là thân phận một kẻăn mày như tôi được các ngài cao quý rủ lòng thương xuống, thực kẻ ty tiện này không có điều gì dám kêu ca lên nữa. Chỉ hiềm rằng bìnhtrà của ngài cho nó lẫn mùi trấu ở trong. Cho nên bề dưới chưa được lấy gì làm khoái hoạt lắm”. Hắn lạy tạ, tráng ấm chén, lau khay hoànlại nhà chủ. Lau xong cái ấm độc ẩm của hắn, hắn thổi cái vòi ấm kỹ lưỡng cất vào bị, rồi xách nón, vái lạy chủ nhân và quan khách, cắpgậy tập tễnh lên đường. Mọi người cho là một thằng điên không để ý đến. Nhưng buổi chiều hôm ấy, cả nhà đều lấy làm kinh sợ người ănmày vì, ở lọ trà đánh đổ vung vãi ở mặt bàn, chủ nhân đã lượm được ra đến mươi mảnh trấu”.Ông cụ Sáu nghe khách kể đến đấy, thích quá, vỗ đùi mình, vỗ đùi khách, kêu to lên:– Giá cái lão ăn mày ấy sinh vào thời này, thì tôi dám mời anh ta đến ở luôn với tôi để sớm tối có nhau mà thưởng thức trà ngon. Nhà,phần nhiều lại toàn là ấm song ấm quý.– Cổ nhân cũng bịa ra một chuyện cổ tích thế để làm vui thêm cái việc uống một tuần nước đấy thôi. Chứ cụ tính làm gì ra những thứngười lạ ấy. Ta chỉ nên cho nó là một câu giai thoại.– Không, có thể như thế được lắm mà. Tôi chắc cái lão ăn mày này đã tiêu cả một cái sản nghiệp vào rừng trà Vũ Di Sơn nên hắn mớisành thế và mới đến nỗi cầm bị gậy. Chắc những thứ trà Bạch Mao Hầu và trà Trảm Mã hắn cũng đã uống rồi đấy ông khách ạ. Nhưngmà, ông khách này, chúng ta phải uống một ấm trà thứ hai nữa chứ. Chẳng nhẽ nghe một câu chuyện thú như thế mà chỉ uống với nhaucó một ấm thôi.

Thế rồi trong khi cụ Sáu tháo bã trà vào cái bát thải rộng miệng vẽ Liễu Mã, ông khách nâng cái ấm quần ẩm lên, ngắm nghía mãi vàkhen:– Cái ấm của cụ quý lắm đấy. Thực là ấm Thế Đức màu gan gà. “Thứ nhất Thế Đức gan gà; – thứ nhì Lưu Bội; – thứ ba Mạnh Thần”.Cái Thế Đức của cụ, cao nhiều lắm rồi. Cái Mạnh Thần song ẩm của tôi ở nhà, mới dùng nên cũng chưa có cao mấy.Cụ Sáu vội đổ hết nước sôi vào ấm chuyên, giơ cái ấm đồng cò bay vào sát mặt khách:– Ông khách có trông rõ mấy cái mấu sùi sùi ở trong lòng ấm đồng không? Tàu, họ gọi là kim hỏa. Có kim hỏa thì nước mau sủi lắm.Đủ năm cái kim hỏa đấy.– Thế cụ có phân biệt thế nào là nước sôi già và nước mới sủi không?– Lại “ngư nhãn, giải nhãn” chứ gì. Cứ nhìn tăm nước to bằng cái mắt cua thì là sủi vừa, và khi mà tăm nước to bằng mắt cá thì lànước sôi già chứ gì nữa.Chủ khách cả cười, uống thêm mỗi người hai chén nữa. Cụ Sáu tiễn khách ra cổng với một câu:– Thỉnh thoảng có đi qua tệ ấp, xin mời ông khách ghé thăm tôi như một người bạn cũ. Mỗi lần gặp nhau, ta lại uống vài tuần nước.Hà, hà.Năm ấy nước sông Nhĩ Hà lên to. Thảo nào mấy nghìn gốc nhãn trồng trên mặt đê quanh vùng, vụ đó sai quả lạ. Cái đê kiên cố đãvỡ. Nhưng vốn ở cuối dòng nước chảy xiết, nhà cửa cụ Sáu chưa đến nỗi bị cuốn phăng đi. Lúc nước rút, ở cái cổng gạch nguyên vẹn,hai mảnh giấy hồng điều đôi câu đối dán cửa vẫn còn lành lặn và nét chữ vẫn rõ ràng:Họ lịch sự như tiên, phú quý như giời, quất con ngựa rong chơi ngoài ngõ liễu Ta trồng cỏ đầy vườn, vãi hoa đầy đất, gọi hề đồngpha nước trước hiên mai\*.Năm sau, quãng đê hàn khẩu, chừng hàn không kỹ, lại vỡ luôn một lần nữa. Cái cổng gạch nhà cụ Sáu vẫn trơ trơ như cũ. Nhưng lầnnày thì đôi câu đối giấy hồng điều, gió mưa đã làm bợt màu phẩm mực, ngấn nước phù sa đã phủ kín dòng chữ bằng những vạch bùnngang dày dặn.Ông khách năm nọ – cái người kể câu chuyện ăn mày sành uống trà tàu – đi làm ăn xa đã mấy năm, nhân về qua vùng đấy, nhớ nhời

dặn của cụ Sáu, đã tìm tới để uống lại với ông già một ấm trà tàu nữa. Nhưng người khách hỏi nhà ông đến, người khách đã bùi ngùi thấyngười ta bảo cho biết rằng nhà cụ Sáu đã bán rồi. Thấy hỏi thăm tha thiết, người vùng ấy mách thêm cho ông khách: “Có muốn tìm cốSáu thì ông cứ xuống Chợ Huyện. Cứ đón đúng những phiên chợ xép vào ngày tám thì thế nào cũng gặp. Chúng tôi chỉ biết có thế thôi”.Phải, bây giờ ông cụ Sáu sa sút lắm rồi. Bây giờ ông cụ lo lấy bữa cơm cũng khó, chứ đừng nói đến chuyện uống trà. Thỉnh thoảngcó xin được người nào quen một vài ấm, cụ lấy làm quý lắm: gói giấy giắt kỹ trong mình, đợi lúc nào vắng vẻ một mình mới đem ra phauống. Vẫn còn quen cái thói phong lưu, nhiều khi qua chơi ao sen nhà ai, gặp mùa hoa nở, cụ lại còn cố bứt lấy ít nhị đem ướp luôn vàogói trà giắt trong mình, nếu đấy là trà mạn cũ.Những buổi có phiên chợ, cụ Sáu ngồi ghé vào nhờ gian hàng tấm của người cùng làng, bày ra trên mặt đất có đến một chục chiếcấm mà ngày trước, giá có giồng ngay cọc bạc nén cho trông thấy, chửa chắc cụ đã bán cho một chiếc. Có một điều mà ai cũng lấy làm lạ,là cụ bán lũ ấm đất làm hai lớp. Mấy kỳ đầu, cụ bán toàn thân ấm và bán rất rẻ. Còn nắp ấm cụ để dành lại. Có lần vui miệng, cụ ghé sátvào tai người bà con: “Có thế mới được giá. Có cái thân ấm rồi, chẳng nhẽ không mua cái nắp vừa vặn sao? Bán thân ấm rẻ, rồi đến lúcbán nắp ấm, mới là lúc nên bán giá đắt. Đó mới là cao kiến”.Cụ Sáu cười hề hề, rồi vội quay ra nói chuyện với bạn hàng đang mân mê những cái thân ấm đất đủ màu, cái thì dáng giỏ dâu, cái thìmúi na, hình quả vả, quả sung, quả hồng. Cụ đang bảo một ông khách:– Thế nào tôi cũng tìm được nắp cho ông. Cứ phiên sau lại đây thế nào cũng có nắp. Không, đúng ấm tàu đấy mà. Nếu không tinông cứ úp ấm xuống mặt miếng gỗ kia. Cho ấm ngửa trôn lên. Cứ xem miệng vòi với quai và gờ miệng ấm đều cắn sát mặt bằng miếng gỗthì biết. Nếu muốn thử kỹ nữa, quý khách thả nó vào chậu nước, thấy nó nổi đều, cân nhau không triềng, thế là đích ấm tàu.